



TOÁN



PHÉP CÔNG TRONG PHẠM VI 10 (TT)

Câu 1. Tính:

$5 + 0 = \square$

$4 + 2 = \square$

$3 + 1 = \square$

$0 + 3 = \square$

$1 + 4 = \square$

$2 + 2 = \square$

$5 + 3 = \square$

$4 + 4 = \square$

$1 + 1 = \square$

$1 + 3 = \square$

$4 + 3 = \square$

$5 + 4 = \square$

Câu 2. Tính:

+	1	2	3	4	5	6	7
	2	4	3	0	5	2	1
	3						

Câu 3. Tính:

$2 + \square = 5$

$4 + \square = 7$

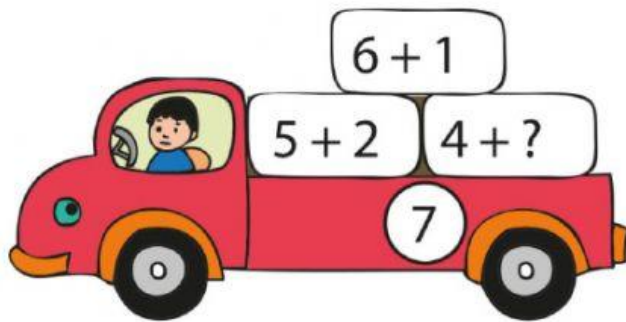
$\square + 3 = 3$

$0 + \square = 4$

$5 + \square = 10$

$\square + 2 = 4$

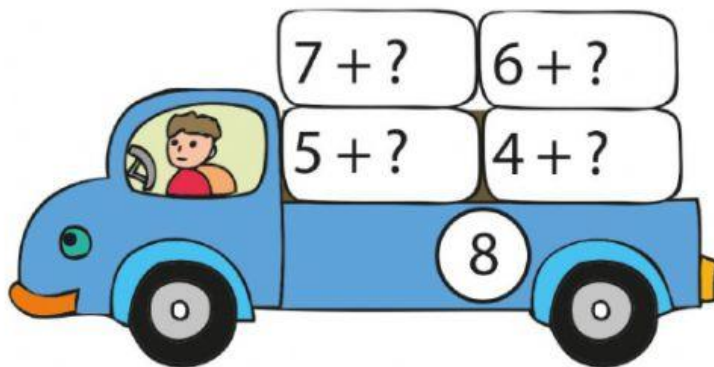
Câu 4. Viết số (theo mẫu):



$$6 + 1 = 7$$

$$5 + 2 = 7$$

$$4 + \square = 7$$



$$7 + \square = 8$$

$$6 + \square = 8$$

$$5 + \square = 8$$

$$4 + \square = 8$$

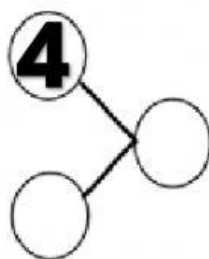
Câu 5. Nối:

1.  $3 + 1$	2.  $6 + 2$	3.  $5 + 2$	4.  $2 + 4$	5.  $3 + 2$	6.  $6 + 3$
A.  4	B.  5	C.  6	D.  7	E.  8	G.  9

Câu 6. Tính:

XUẤT PHÁT ➔		$6 + 1 =$	$6 + 2 =$	$6 + 3 =$
$7 + 3 =$	$7 + 2 =$	$7 + 1 =$	$6 + 4 =$	
	$8 + 1 =$	$8 + 2 =$	$9 + 1 =$	ĐÍCH

Câu 7. Viết phép tính theo tranh:



$$4 + \square = \square$$

$$2 + \square = \square$$

BÀI TẬP NÂNG CAO

*** Câu 8. Điền số vào ô màu trắng:**

1	+	2	=	
+		+		+
4	+	0	+	
=		=		=
	+		=	

Câu 9. Nối phép tính có kết quả bằng nhau:

1. 1 + 4	2. 6 + 2	3. 6 + 1	4. 3 + 1	5. 7 + 2
A. 2 + 6	B. 2 + 7	C. 1 + 3	D. 4 + 1	E. 1 + 6

Câu 10. Xếp các phép tính theo thứ tự kết quả từ bé đến lớn:

1 + 1	5 + 4	3 + 2	4 + 0